CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HINH ***VINH SON - SONG HINH HYDROPOWER JSC***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence- Freedoom- Happiness***
Số/*No.*: 803 /VSH-TCKT	*Gia Lai, ngày 20 tháng 8 năm 2025* *Gia Lai, ..20th..August, 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Respectfully to: *The State Securities Commission;*
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức : Công ty CP Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
Organization name: Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company
Mã chứng khoán/ *Stock code:* VSH
Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai
Address: 21 Nguyen Hue Street, Quy Nhon Ward, Gia Lai Province
Điện thoại /*Tel*: (0256) 3892 792
Fax : (0256) 3891 975

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of information disclosure*
Công ty CP Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH) công bố thông tin: Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.
Vinh Son - Song Hinh Hydropower Joint Stock Company (VSH) would like to disclose the following information: The separate and consolidated financial statements for the first six months of 2025 have been reviewed.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VSH vào ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại đường dẫn: http://www.vshpc.evn.com.vn
This information was published on the Company's website on ... August, 2025, as the following link http://www.vshpc.evn.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Digitally signed by CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
DN: CN=VN, S=Gia Lai, L=Thành phố Quy Nhơn, CN=CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4100562786
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.08.20 15:22:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.2

We hereby certify that the information provided is true and accurate, and we accept full responsibility under the law.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents: *Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025/ Reviewed financial statements for the first six months of 2025*

Đại diện tổ chức
Organization Representative
Người đại diện theo pháp luật
Legal Representative
TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director

M.S.D.N: 4100562786 - C.T.C.P
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
T.P QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Nguyen Van Thanh

Nơi nhận/ Recipients
- Như trên/*As above;*
- Phụ trách Quản trị Công ty;
  In charge of Company Admin
- Lưu: Văn thư, TCKT.
  Archived by: The office, F&A Dept.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 36

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định (nay là Tỉnh Gia Lai) cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 1 tháng 4 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam, hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Kon Plông, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng ban	
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2025
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Đàm	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 4100562786 - C.T.C.P
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
T.P QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11878879/68585342-LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300611802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.334.843.082.066**	**1.099.736.290.561**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***478.223.652.844***	***368.164.660.113***
111	1. Tiền		14.923.652.844	14.864.660.113
112	2. Các khoản tương đương tiền		463.300.000.000	353.300.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		-	***39.000.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	39.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***747.545.271.141***	***584.865.386.015***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	719.350.486.243	579.658.365.958
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	19.926.862.865	10.677.333.646
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.376.166.299	3.637.930.677
137	4. Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	6	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***109.063.282.921***	***107.695.494.829***
141	1. Hàng tồn kho		109.063.282.921	107.695.494.829
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***10.875.160***	***10.749.604***
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	10.875.160	10.749.604
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**7.218.697.623.976**	**7.508.146.038.779**
220	***I. Tài sản cố định***		***7.177.835.756.910***	***7.465.429.107.471***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.177.835.756.910	7.465.429.107.471
222	Nguyên giá		12.298.960.930.083	12.300.205.002.257
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.121.125.173.173)	(4.834.775.894.786)
240	***II. Tài sản dở dang dài hạn***		***26.991.051.398***	***26.991.051.398***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	26.991.051.398	26.991.051.398
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***13.870.815.668***	***15.725.879.910***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.501.486.927	5.335.225.826
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	1.141.637.010	1.141.637.010
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	9.227.691.731	9.249.017.074
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**8.553.540.706.042**	**8.607.882.329.340**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.558.945.107.337**	**3.924.581.896.851**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***347.498.281.307***	***485.244.654.537***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	125.623.686.972	145.160.767.744
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		178.113.600	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	99.840.523.576	70.181.236.777
314	4. Phải trả người lao động		7.968.190.706	21.800.620.605
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	4.990.443.239	6.253.164.758
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	217.361.668	121.447.912.080
320	7. Vay ngắn hạn	16	102.351.727.869	115.370.438.196
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	6.328.233.677	5.030.514.377
330	***II. Nợ dài hạn***		***3.211.446.826.030***	***3.439.337.242.314***
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	201.734.197.176	201.734.197.176
338	2. Vay dài hạn	16	3.009.712.628.854	3.237.603.045.138
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.994.595.598.705**	**4.683.300.432.489**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***18.1***	***4.994.595.598.705***	***4.683.300.432.489***
411	1. Vốn cổ phần		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.362.412.460.000*	*2.362.412.460.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.271.968.038	6.271.968.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.241.876.400.667	1.930.581.234.451
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*1.806.928.611.451*	*1.482.251.765.432*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*434.947.789.216*	*448.329.469.019*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**8.553.540.706.042**	**8.607.882.329.340**

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thủy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng**	**19.1**	**1.126.191.567.642**	**762.060.934.987**
11	**2. Giá vốn hàng bán**	**20**	**(519.627.453.067)**	**(462.841.750.453)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**606.564.114.575**	**299.219.184.534**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**19.2**	**29.180.405.205**	**3.735.515.685**
22	**5. Chi phí tài chính**	**21**	**(109.165.798.092)**	**(191.471.377.271)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(106.531.438.711)*	*(151.598.609.221)*
26	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**22**	**(33.062.134.336)**	**(21.265.716.238)**
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**493.516.587.352**	**90.217.606.710**
31	**8. Thu nhập khác**		**701.087.292**	**-**
32	**9. Chi phí khác**		**(6.319.290.013)**	**(65.000.000)**
40	**10. Lỗ khác**		**(5.618.202.721)**	**(65.000.000)**
50	**11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**487.898.384.631**	**90.152.606.710**
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**24.1**	**(52.950.595.415)**	**(21.228.152.807)**
60	**13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN**		**434.947.789.216**	**68.924.453.903**
61	**14. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ**		**434.947.789.216**	**68.924.453.903**
70	**15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**18.5**	**1.841**	**288**
71	**16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**18.5**	**1.841**	**288**

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thúy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**487.898.384.631**	**90.152.606.710**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao	9	295.219.653.725	294.518.154.310
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.342.824.653	11.019.413.544
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.365.317.773)	(3.735.515.685)
06	Chi phí lãi vay	21	106.531.438.711	151.598.609.221
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**882.626.983.947**	**543.553.268.100**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(162.138.274.518)	626.821.591.202
10	Tăng hàng tồn kho		(5.080.693.876)	(2.983.740.032)
11	Giảm các khoản phải trả		(500.964.028)	(23.461.425.912)
12	Giảm chi phí trả trước		1.833.738.899	958.181.372
14	Tiền lãi vay đã trả		(107.794.160.230)	(173.901.014.142)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(39.559.867.299)	(43.440.415.400)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.248.780.700)	(1.749.097.310)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**565.137.982.195**	**925.797.347.878**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(23.429.152.809)	(27.432.066.109)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(39.000.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		39.000.000.000	35.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		8.823.581.609	3.742.533.284
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**24.394.428.800**	**(27.689.532.825)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền nhận từ đi vay	16	-	1.258.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(243.251.951.264)	(1.546.898.984.179)
36	Cổ tức đã trả	18.4	(236.221.467.000)	(236.239.811.500)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(479.473.418.264)**	**(525.138.795.679)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**110.058.992.731**	**372.969.019.374**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ**		**368.164.660.113**	**133.464.884.244**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**478.223.652.844**	**506.433.903.618**

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thúy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH" hoặc "Công ty") và một công ty con như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định (nay là Tỉnh Gia Lai) cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 1 tháng 4 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam, hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Kon Plông, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Thạnh 4, Tỉnh Gia Lai.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Đức Bình, Tỉnh Đắk Lắk.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại Xã Kon Plông, Tỉnh Quảng Ngãi (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong kỳ là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH ("Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH")

VSH sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 219 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 218).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.7 *Thuê hoạt động*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữ niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Các chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

- *Quỹ đầu tư và phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

- *Cổ tức*

  Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tiền mặt	116.164.334	140.863.216
Tiền gửi ngân hàng	14.807.488.510	14.723.796.897
Các khoản tương đương tiền *(*)*	463.300.000.000	353.300.000.000
TỔNG CỘNG	**478.223.652.844**	**368.164.660.113**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,75%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	718.732.551.524	579.040.431.239
Phải thu từ các khách hàng khác	617.934.719	617.934.719
TỔNG CỘNG	**719.350.486.243**	**579.658.365.958**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Công ty TNHH Aandritz Hydro Private	8.183.683.233	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	4.725.312.781	4.725.312.781
DNTN Vân Trường	1.891.000.000	1.891.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.422.920.070	1.422.920.070
Khác	3.703.946.781	2.638.100.795
TỔNG CỘNG	**19.926.862.865**	**10.677.333.646**
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
GIÁ TRỊ THUẦN	**10.818.618.599**	**1.569.089.380**

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tạm ứng hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	10.252.455.605	-
Lãi tiền gửi	2.405.906.576	1.864.170.412
Phải thu người lao động	1.723.610.226	662.621.612
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.431.887.800	-
Khác	1.562.306.092	1.111.138.653
TỔNG CỘNG	**17.376.166.299**	**3.637.930.677**

(*) Số cuối kỳ thể hiện khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày lập của báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã nhận lại khoản tạm ứng do không thực hiện tiếp tục khoản đầu tư.

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	109.063.282.921	107.695.494.829

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	9.408.505.232.475	2.824.364.900.431	56.189.313.221	11.145.556.130	12.300.205.002.257
Mua mới	-	3.821.523.037	-	70.549.000	3.892.072.037
Chuyển từ hàng tồn kho	-	12.406.951.975	-	-	12.406.951.975
Thanh lý	-	-	(924.249.623)	-	(924.249.623)
Xóa sổ	(149.400.000)	-	(4.233.869.545)	(1.239.601.043)	(5.622.870.588)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(10.995.975.975)	-	-	(10.995.975.975)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	9.408.355.832.475	2.829.597.399.468	51.031.194.053	9.976.504.087	12.298.960.930.083
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*451.526.806.904*	*894.512.362.343*	*31.688.979.011*	*5.181.927.551*	*1.382.910.075.809*
Giá trị khấu hao lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(3.488.242.792.141)	(1.302.240.330.101)	(38.806.515.099)	(5.486.257.445)	(4.834.775.894.786)
Khấu hao	(243.444.361.186)	(50.164.845.670)	(1.476.447.822)	(133.999.048)	(295.219.653.725)
Thanh lý	-	-	924.249.623	-	924.249.623
Xóa sổ	149.400.000	-	4.233.869.545	1.239.601.043	5.622.870.588
Chuyển sang hàng tồn kho	-	2.323.255.127	-	-	2.323.255.127
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(3.731.537.753.327)	(1.350.081.920.644)	(35.124.843.753)	(4.380.655.450)	(5.121.125.173.173)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.920.262.440.334	1.522.124.570.330	17.382.798.122	5.659.298.685	7.465.429.107.471
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.676.818.079.149	1.479.515.478.825	15.906.350.300	5.595.848.637	7.177.835.756.910

Nhóm công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 82.360.982.293 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (*Thuyết minh số 16*).

Nhóm công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 6.899.435.685.583 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn theo các hợp đồng thế chấp lần lượt là số 01/2015/HĐTCTS và số 01/2017/HĐTCTS ngày 26 tháng 3 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2017 và các Phụ lục sửa đổi bổ sung *(Thuyết minh số 16)*.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum *(*)*	13.174.106.496	13.174.106.496
Dự án khác	13.816.944.902	13.816.944.902
TỔNG CỘNG	**26.991.051.398**	**26.991.051.398**

(*) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đang trong quá trình thực hiện quyết toán.

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	26.991.051.398	49.625.132.217
Xây dựng cơ bản	-	15.164.023.571
Điều chỉnh giảm do quyết toán một số hạng mục dở dang	-	(4.269.370.680)
Số cuối kỳ	26.991.051.398	60.519.785.108

11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G	84.420.271.971	84.420.271.971
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 47 ("C47")	25.912.963.783	41.097.513.768
Khác	15.290.451.218	19.642.982.005
TỔNG CỘNG	**125.623.686.972**	**145.160.767.744**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.583.609.840	52.950.595.415	(39.559.867.299)	51.974.337.956
Phí dịch vụ môi trường rừng	16.765.983.864	41.457.475.512	(39.153.576.348)	19.069.883.028
Thuế tài nguyên	9.423.515.754	122.615.800.448	(114.886.583.650)	17.152.732.552
Thuế giá trị gia tăng	4.600.625.457	90.064.034.198	(84.822.502.378)	9.842.157.277
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	12.944.465.800	(11.512.578.000)	1.431.887.800
Thuế thu nhập cá nhân	796.752.258	4.736.273.098	(5.174.375.553)	358.649.803
Thuế khác	-	922.430.419	(922.430.419)	-
TỔNG CỘNG	**70.170.487.173**	**325.691.074.890**	**(296.031.913.647)**	**99.829.648.416**
Trong đó:				
Phải thu	*(10.749.604)*			*(10.875.160)*
Phải trả	*70.181.236.777*			*99.840.523.576*

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Chi phí lãi vay trích trước	4.990.443.239	6.253.164.758

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**217.361.668**	**121.447.912.080**
Phải trả cổ tức	161.432.200	118.262.276.200
Phải trả khác	55.929.468	3.185.635.880
Dài hạn	**201.734.197.176**	**201.734.197.176**
Phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng *(*)*	201.734.197.176	201.734.197.176
TỔNG CỘNG	**201.951.558.844**	**323.182.109.256**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	*98.198.013.500*
Phải trả các bên khác	*201.951.558.844*	*224.984.095.756*

(*) Đây là khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G ("Tổ hợp nhà thầu") liên quan đến việc Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu.

16. VAY NGÂN HÀNG

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Tăng*	*Giảm*	*Phân loại lại*	*Chênh lệch tỷ giá*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Ngắn hạn	**115.370.438.196**	**-**	**(70.077.719.097)**	**56.902.837.239**	**156.171.531**	**102.351.727.869**
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	115.370.438.196	-	(70.077.719.097)	56.902.837.239	156.171.531	102.351.727.869
Dài hạn	**3.237.603.045.138**	**-**	**(173.174.232.167)**	**(56.902.837.239)**	**2.186.653.122**	**3.009.712.628.854**
Vay ngân hàng	3.237.603.045.138	-	(173.174.232.167)	(56.902.837.239)	2.186.653.122	3.009.712.628.854
TỔNG CỘNG	**3.352.973.483.334**	**-**	**(243.251.951.264)**	**-**	**2.342.824.653**	**3.112.064.356.723**

Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Hợp đồng*	*Ngày đến hạn*	*Lãi suất (%/năm)*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định *(i)*	631.049.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2026 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	6,7%
	556.413.000.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2027 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	6,7%
	358.170.000.000	Số 01/2024/HĐTD với hạn mức 818 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	6,7%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum *(i)*	590.291.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	6,6%
	228.228.998.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2028 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	6,6%
Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai *(i)*	336.054.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	6,6%
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") – Hội Sở *(ii)*	330.000.000.000	Số 309691224 với hạn mức 440 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	7,0%

16. VAY NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Nguyên tệ*	*Ngày đến hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	(VND)	*(USD)*		*(%/năm)*	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ *(iii)*	81.858.358.723	3.267.537,87	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, trị giá 82.360.982.293 VND *(Thuyết minh số 9)*
TỔNG CỘNG	**3.112.064.356.723**	**3.267.537,87**			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*102.351.727.869*				
Vay dài hạn	*3.009.712.628.854*				

(i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA và các phụ lục sửa đổi bổ sung giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Gia Lai, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai trong đó, BIDV - Chi nhánh Gia Lai giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum *(Thuyết minh số 9)*.

(ii) Đây là khoản vay tái cấu trúc đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum được bảo đảm bằng 15.000.000 cổ phiếu Công ty với mã chứng khoán là VSH, thuộc sở hữu Công ty TNHH Năng lượng REE.

(iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bàn giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam - EVN) khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm. Công ty sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh làm tài sản đảm bảo *(Thuyết minh số 9)*.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	5.030.514.377	2.938.583.020
Trích từ lợi nhuận sau thuế	5.532.000.000	5.532.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(4.248.780.700)	(1.749.097.310)
Các nguồn khác	14.500.000	11.400.000
Số cuối kỳ	6.328.233.677	6.732.885.710

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.842.145.634.432	4.594.864.832.470
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	68.924.453.903	68.924.453.903
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.532.000.000)	(5.532.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.905.538.088.335	4.658.257.286.373
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.930.581.234.451	4.683.300.432.489
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	434.947.789.216	434.947.789.216
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	-	-	-	(5.532.000.000)	(5.532.000.000)
Cổ tức (*)	-	-	-	-	(118.120.623.000)	(118.120.623.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.241.876.400.667	4.994.595.598.705

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 257/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
	Giá trị (VND)	*% sở hữu*	*Giá trị VND*	*% sở hữu*
Công ty TNHH Năng lượng REE	1.242.129.780.000	52,58	1.242.129.780.000	52,58
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	721.830.490.000	30,55	721.830.490.000	30,55
Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	233.297.240.000	9,88	233.297.240.000	9,88
Các cổ đông khác	165.154.950.000	6,99	165.154.950.000	6,99
TỔNG CỘNG	**2.362.412.460.000**	**100,00**	**2.362.412.460.000**	**100,00**

18.3 *Cổ phiếu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
	Số lượng	*Số lượng*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu phổ thông	*236.241.246*	*236.241.246*
Cổ phiếu đang lưu hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu phổ thông	*236.241.246*	*236.241.246*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

18.4 *Cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Cổ tức đã công bố trong kỳ	**118.120.623.000**	**-**
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền trong kỳ	236.221.467.000	236.239.811.500

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN *(VND)*	434.947.789.216	68.924.453.903	68.924.453.903
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi *(VND) (*)*	-	-	850.468.473
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	**434.947.789.216**	**68.924.453.903**	**68.073.985.430**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	236.241.246	236.241.246	236.241.246
Lãi trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	*1.841*	*292*	*288*
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	*1.841*	*292*	*288*

(*) Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Số 257/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được điều chỉnh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 do chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và vào ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Doanh thu bán điện cho bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	1.126.191.567.642	762.060.934.987

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Nhận hoàn trả phí bão lãnh	19.815.087.432	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.365.317.773	3.735.515.685
TỔNG CỘNG	**29.180.405.205**	**3.735.515.685**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí khấu hao	295.038.849.389	294.231.742.078
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	177.017.741.760	125.512.271.764
Chi phí nhân viên	30.250.783.429	28.610.160.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.852.610.729	4.652.985.596
Chi phí khác	12.467.467.760	9.834.590.209
TỔNG CỘNG	**519.627.453.067**	**462.841.750.453**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí lãi vay	106.531.438.711	151.598.609.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.428.618.455	19.656.389.911
Phí thanh toán trước hạn	205.740.926	20.184.555.639
Khác	-	31.822.500
TỔNG CỘNG	**109.165.798.092**	**191.471.377.271**

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí nhân viên	11.897.188.071	11.198.946.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.025.023.468	3.788.756.968
Chi phí tài trợ	3.980.000.000	580.000.000
Thuế, phí và lệ phí	1.006.633.130	646.973.565
Chi phí vật liệu quản lý	196.054.961	292.794.968
Chi phí khấu hao	180.804.336	286.412.232
Chi phí khác	8.776.430.370	4.471.831.725
TỔNG CỘNG	**33.062.134.336**	**21.265.716.238**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 9)*	295.219.653.725	294.518.154.310
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	177.017.741.760	125.512.271.764
Chi phí nhân viên	42.147.971.500	39.809.107.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.080.521.920	6.869.606.685
Chi phí tài trợ	3.980.000.000	580.000.000
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.121.690.600	1.661.343.227
Chi phí nguyên vật liệu	1.677.652.222	2.327.026.526
Chi phí khác	17.444.355.676	12.829.956.593
TỔNG CỘNG	**552.689.587.403**	**484.107.466.691**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/ND-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng thuế suất bằng 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu từ dự án (năm 2021), miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ dự án đầu tư mới.

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2024: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51.974.337.956	21.228.152.807
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho các năm trước	976.257.459	-
Chi phí thuế TNDN	**52.950.595.415**	**21.228.152.807**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**487.898.384.631**	**90.152.606.710**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	65.444.847.553	18.030.521.342
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	856.277.719	61.482.283
Điều chỉnh thuế TNDN trích bổ sung cho các năm trước	976.257.459	-
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	5.312.039.047
Thuế TNDN được miễn giảm	(14.258.149.646)	(2.107.258.496)
Khác	(68.637.670)	(68.631.369)
Chi phí thuế TNDN	**52.950.595.415**	**21.228.152.807**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

24.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.657.708	518.657.708	-	-
Khác	622.979.302	622.979.302	-	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	***1.141.637.010***	***1.141.637.010***		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			-	-

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan bao gồm các công ty con, các công ty trong cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT từ ngày 21 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT đến ngày 21 tháng 3 năm 2025
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên BKS
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên BKS từ ngày 21 tháng 3 năm 2025
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên BKS đến ngày 21 tháng 3 năm 2025
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tưởng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Đàm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phát Điện 3 – CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	1.126.191.567.642	762.060.934.987
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức đã thanh toán	62.106.489.000	124.212.978.000
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn	Cổ tức đã thanh toán	36.091.524.500	72.183.049.000
		Chi hộ	-	3.884.496.200
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Vay và hoàn trả gốc vay	-	440.000.000.000
		Lãi vay	-	722.263.014

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	718.732.551.524	579.040.431.239

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	62.106.489.000
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	-	36.091.524.500
			-	**98.198.013.500**

Các cam kết khác

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty đang được Công ty TNHH Năng lượng R.E.E. công ty mẹ, thế chấp 15.000.000 cổ phiếu mã VSH để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Hội Sở *(Thuyết minh 16)*.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và các nhân viên quản lý khác:

VND

	Chức vụ	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kì kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	785.037.812	753.369.345
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	715.410.250	686.105.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	144.843.990	140.803.800
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	144.843.990	140.803.800
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên HĐQT từ ngày 21 tháng 3 năm 2025	42.421.995	-
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT đến ngày 21 tháng 3 năm 2025	102.421.995	140.803.800
Ông Dương Tấn Tưởng	Phó Tổng Giám đốc	441.892.500	420.850.000
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	441.892.500	420.850.000
Ông Trần Công Đàm	Phó Tổng Giám đốc	441.894.000	-
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng BKS	84.843.990	80.803.800
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên BKS	67.875.192	64.643.040
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên BKS từ ngày 21 tháng 3 năm 2025	33.937.596	-
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên BKS đến ngày 21 tháng 3 năm 2025	33.937.596	64.643.040
TỔNG CỘNG		**3.481.253.406**	**2.913.675.625**

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

27. CÁC VỤ KIỆN TỤNG

Vụ C47 kiện Công ty tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế ("VIAC")

Vào ngày 24 tháng 1 năm 2024, C47 khởi kiện Công ty để yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng 653 với nợ gốc là 35.117.541.752 VND và tiền lãi là 9.911.639.376 VND.

Vào ngày 4 tháng 2 năm 2025, Công ty nhận được Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 23/24/HCM được lập ngày 23 tháng 1 năm 2025. Theo Phán quyết này, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho C47 các khoản tiền sau lần lượt là tiền nợ gốc là 20.336.880.378 VND. tiền lãi chậm trả là 9.939.797.976 VND, phí Trọng tài là 467.847.895 VND và chi phí pháp lý là 500.000.000 VND.

Vào ngày 25 tháng 2 năm 2025, Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án hủy Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 23/24/HCM được lập ngày 23 tháng 1 năm 2025.

Vào ngày 27 tháng 7 năm 2025, Công ty nhận được Quyết định số 122/2025/QĐ-PQTT của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 19 tháng 6 năm 2025, chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc hủy Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 23/24/HCM được lập ngày 23 tháng 1 năm 2025.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả C47 với số tiền gốc trị giá 25.912.963.783 VND.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho tiền lãi phạt chậm thanh toán và các chi phí trọng tài và chi phí pháp lý nêu trên.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 27, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Lê Thị Hải Yến	Phan Thị Thanh Thủy	Nguyễn Văn Thanh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc